

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân công bố điểm chuẩn theo phương thức xét tuyển kết hợp

16:33 30/07/2021

Ngày 30/7, trường Đại học Kinh tế Quốc dân thông báo điểm chuẩn đối với phương thức xét tuyển kết hợp trong mùa tuyển sinh vào trường năm 2021.

Xét tuyển kết hợp của trường Đại học Kinh tế quốc dân không phải là tuyển thẳng, thí sinh đủ điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển được xét từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu bằng phần mềm tuyển sinh của trường, tương tự như xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT theo phần mềm tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Trường không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi THPT quốc gia các năm trước để tuyển sinh, không cộng điểm ưu tiên thí sinh có chứng chỉ nghề.

Điểm chuẩn trúng tuyển theo phương thức xét tuyển kết hợp của từng ngành cụ thể như sau:

STT	Mã tuyển sinh	Ngành/Chương trình	Điểm chuẩn theo đối tượng xét tuyển (ĐT)				
			ĐT-1	ĐT-2	ĐT-3	ĐT-4	ĐT-5
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	23.25	36.08	30.20	37.60	27.00
2	7310101	Kinh tế	24.44	-	29.85	27.65	27.35
3	7310104	Kinh tế đầu tư	23.69	26.75	30.40	27.90	27.55
4	7310105	Kinh tế phát triển	-	-	29.55	27.45	27.25
5	7310106	Kinh tế quốc tế	27.94	27.80	32.10	28.65	28.30
6	7310107	Thống kê kinh tế	-	-	28.25	27.00	26.65
7	7310108	Toán kinh tế	-	-	28.60	27.00	26.75
8	7320108	Quan hệ công chúng	25.31	-	31.55	28.50	27.85
9	7340101	Quản trị kinh doanh	22.69	26.30	30.80	28.00	27.70
10	7340115	Marketing	25.50	24.30	31.70	28.60	28.15
11	7340116	Bất động sản	-	-	29.30	27.40	26.85
12	7340120	Kinh doanh quốc tế	27.38	26.35	32.40	28.75	28.35
13	7340121	Kinh doanh thương mại	23.06	-	30.75	28.25	27.75
14	7340122	Thương mại điện tử	26.06	28.95	31.55	28.60	28.15
15	7340204	Bảo hiểm	-	-	28.80	26.50	26.60
16	7340301	Kế toán	25.31	-	30.15	27.85	27.80
17	7340302	Kiểm toán	26.63	26.55	31.30	28.55	28.25
18	7340401	Khoa học quản lý	-	-	28.70	26.75	26.60
19	7340403	Quản lý công	-	-	28.45	26.75	26.50
20	7340404	Quản trị nhân lực	24.56	-	30.70	27.90	27.50
21	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	22.50	27.55	29.15	27.50	27.15
22	7340409	Quản lý dự án	-	-	29.20	27.45	26.75

23	7380101	Luật	-	-	29.80	27.00	27.00
24	7380107	Luật kinh tế	23.38	-	30.30	27.50	27.50
25	7480101	Khoa học máy tính	27.00	-	29.60	27.00	26.50
26	7480201	Công nghệ thông tin	24.44	28.45	29.85	27.00	26.50
27	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	26.69	28.40	32.05	29.00	28.75
28	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	-	-	27.00	26.50	26.00
29	7620115	Kinh tế nông nghiệp	23.81	-	27.45	26.25	26.25
30	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	28.55	29.55	27.40	26.85
31	7810201	Quản trị khách sạn	24.94	-	30.75	28.00	27.50
32	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	23.06	-	28.20	26.50	26.25
33	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	-	-	27.55	26.50	25.75
34	7850103	Quản lý đất đai	-	-	27.75	26.75	26.25
35	CT1	Ngân hàng	22.50	-	30.00	27.60	27.50
36	CT2	Tài chính công	23.81	-	29.40	27.25	27.00
37	CT3	Tài chính doanh nghiệp	26.44	27.55	31.30	28.40	28.00
38	EBBA	Quản trị kinh doanh (E-BBA)	23.63	-	30.60	27.25	27.00
39	EP01	Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh (BBAE)	23.44	-	29.40	35.75	26.25
40	EP02	Định phí bảo hiểm và Quản trị rủi ro (Actuary)	26.06	-	30.20	26.25	26.50
41	EP03	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh (DSEB)	27.38	-	30.50	26.50	26.50
42	EP04	Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế (ACT-ICAEW)	24.56	-	30.60	27.50	27.50
43	EP05	Kinh doanh số (E-BDB)	26.25	-	30.45	27.00	26.50
44	EP06	Phân tích kinh doanh (BA)	26.50	29.85	31.10	27.50	27.00
45	EP07	Quản trị điều hành thông minh (E-SOM)	24.75	-	29.60	27.00	26.50
46	EP08	Quản trị chất lượng và Đổi mới (E-MQI)	-	-	29.25	26.00	25.75
47	EP09	Công nghệ tài chính (BFT)	24.38	-	30.40	26.25	26.50
48	EP10	Đầu tư tài chính (BFI)	26.44	-	30.80	37.50	26.50
49	EP11	Quản trị khách sạn QT (IHME)	-	-	30.60	36.85	26.25
50	EP12	Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế (AUD-ICAEW)	27.38	29.40	31.65	28.20	27.85
51	EP13	Kinh tế học tài chính (FE)	25.69	-	29.85	26.25	26.25
52	EP14	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng tích hợp chứng chỉ quốc tế (LSIC)	27.00	36.73	31.95	38.00	28.00
53	EPMP	Quản lý công và Chính sách (E-PMP)	-	-	28.00	26.00	25.50
54	POHE	Các chương trình định hướng ứng dụng (POHE)	23.06	-	29.65	36.25	26.25

Thí sinh trúng tuyển sẽ xác nhận nhập học theo hình thức trực tuyến từ ngày 1 - 10/8.

Trang Nguyễn